

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 19/4/2019.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy Tiên.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Đỗ Văn Hòa

2. Bà Nguyễn Thị Viêt Sáu

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy An - Kiểm sát viên.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Biện Anh Huy - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 166/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Võ Thị Y – sinh năm 1964

Địa chỉ: khu phố 7, phường PT, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

2. **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1963

Địa chỉ: Tổ 8, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Y trình bày:** Bà và ông T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1991 trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu bà và ông T sống tại ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Trong thời gian sống chung bà và ông T không hợp nhau về tính tình, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống.

Hai bên đã ly thân từ năm 2004 đến nay. Đến khoảng năm 2007 thì bà chuyển đến phường PT, thành phố P, tỉnh Bình Thuận sinh sống, còn ông T vẫn sinh sống tại tỉnh Long An. Nay nhận thấy tình cảm hai bên không còn, không thể tiếp tục sống chung với nhau nên bà Y yêu cầu Tòa án không công nhận bà với ông T là vợ chồng. Bà và ông T có hai con chung là Nguyễn Nhật N– sinh ngày 09/10/1992 và Nguyễn Nhật T – sinh ngày 17/9/2002 đều đang sống với bà Y. Cháu Nguyễn Nhật N đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y đề nghị tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Nhật T và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo bản tự khai và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:** Năm 1991 ông T và bà Y tự nguyện tìm hiểu sống chung với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung giữa ông bà nhận thấy tính tình không hợp nhau, hai bên có những cãi vã do bất đồng quan điểm sống. Ông và bà Y đã sống ly thân từ năm 2004 đến nay. Nay ông T xác định không còn tình cảm với bà Y nữa nên đồng ý đề nghị Tòa án không công nhận ông T và bà Y là vợ chồng. Con chung là Nguyễn Nhật N– sinh ngày 09/10/1992 và Nguyễn Nhật T – sinh ngày 17/9/2002. Ông T đồng ý giao con Nguyễn Nhật T cho bà Y tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu cấp cấp dưỡng nuôi con chung thì ông cũng đồng ý. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát Phan Thiết phát biểu quan điểm về quá trình kiểm sát hồ sơ:

- Về thủ tục: Tòa án giải quyết vụ kiện là đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa. Vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T chung sống như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn, bà Y và ông T đã ly thân từ năm 2004 đến nay, do vậy bà Y yêu cầu không công nhận bà và ông T là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 14, khoản 2 điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Về con, giao con Nguyễn Nhật T – sinh ngày 17/9/2002 cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Y không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét. Tài sản chung và nợ chung không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Y có nơi cư trú tại khu phố 7, phường PT, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại Tổ 8, ấp L, xã M, huyện C, tỉnh Long An. Ngày 08/10/2018, bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T có văn bản thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung vì vậy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà Võ Thị Y thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết được quy định tại khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Y, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 1991, không đăng ký kết hôn. Năm 2004 ông, bà bất đồng quan điểm nên thường xuyên mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp, không có hạnh phúc nên ông bà xác định không thể đăng ký kết hôn để trở thành vợ chồng hợp pháp, cả bà Y và ông T đều đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ giữa ông bà là vợ chồng. Như vậy việc bà Võ Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng là hoàn toàn có căn cứ và chính đáng, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội, do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Thời gian chung sống như vợ chồng bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Nhật N– sinh ngày 09/10/1992 và Nguyễn Nhật T– sinh ngày 17/9/2002. Cháu Nguyễn Nhật N đã thành niên và có khả năng lao động nên ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Y và ông T thống nhất giao cháu Nguyễn Nhật T cho bà Y được tiếp tục trực tiếp nuôi con và bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Xét thỏa thuận giữa các đương sự là tự nguyện, phù hợp nguyện vọng của con theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Y không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con và Hội đồng xét xử đã giải thích về quyền yêu cầu cấp dưỡng nhưng bà Y vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét quan hệ này.

Về án phí, bà Y là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên có nghĩa vụ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Võ Thị Y và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Bà Võ Thị Y có quyền trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Nhật T – sinh ngày 17/9/2002 (nam). Ghi nhận bà Y tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Thanh có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Bà Y không được ngăn cản ông T trong việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Võ Thị Y nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0024271 ngày 27/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết. Bà Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/4/2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Phan Thiết;
- Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;
- UBND phường Phú Thủy;
- UBND xã Mỹ Lộc, Cần Giuộc, Long An;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thủy Tiên